

CÔNG TY CỔ PHẦN XE ĐIỆN HÀ
TỈNH

Số: 75/TNNL/HT/19

V/v: Thực hiện quy định dán nhãn
năng lượng đối với xe mô tô, xe gắn máy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- *** -----

Handwritten initials: VHQ, H

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 12 năm 2019



Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Thực hiện thông tư 59/2018/TT-BGTVT ngày 17/12/2018 của Bộ giao thông vận tải về dán nhãn năng lượng đối với xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, Công ty cổ phần xe điện Hà Tĩnh, xin gửi tới Cục Đăng kiểm Việt Nam bản công khai mức tiêu thụ nhiên liệu của kiểu loại xe kèm theo văn bản như sau:

Nhãn hiệu	Tên thương hiệu	Mã kiểu loại (số loại)	Mức tiêu thụ nhiên liệu
FIGIORMO	/	MONO	1,4 Lit/ 100 Km

Trân trọng cảm ơn !

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu VPCT

CÔNG TY CỔ PHẦN XE ĐIỆN HÀ TỈNH



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Phú Cường



Mẫu số 3

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở sản xuất, nhập khẩu: Công ty cổ phần xe điện Hà Tĩnh

Địa chỉ trụ sở chính : Lô đất số CN02 khu công nghiệp Đại Kim, Xã Sơn Kim 1, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ nhà máy sản xuất : Lô đất số CN02 khu công nghiệp Đại Kim, Xã Sơn Kim 1, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh.

1.2. Loại phương tiện: Xe mô tô 2 bánh/ xe gắn máy 2 bánh/ loại xe khác:⁽¹⁾Xe gắn máy hai bánh

1.3. Nhãn hiệu: FIGIORMO

1.4. Tên thương mại:

1.5. Mã kiểu loại (số loại): MONO

1.6. Số giấy chứng nhận:⁽²⁾ 0163/VAQ06-01/18-01

1.7. Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 3241 /NETC-M/19/C Ngày: 03/12/2019

2. Thông số kỹ thuật của xe

2.1. Khối lượng bản thân: 78 kg

2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 208 kg

2.3. Động cơ

2.3.1. Kiểu động cơ: FIGIORMO AF79S Loại động cơ : Xăng 4 kỳ 1 xi lanh làm mát bằng không khí

2.3.2. Thể tích làm việc(Dung tích xy lanh): 49,5 cm³

2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 2,2 kW/7500 kW/rpm

2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: chế hòa khí/phun nhiên liệu/khác: Bằng bộ chế hòa khí

2.5. Hộp số:

2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/ tự động:⁽¹⁾ Tự động

2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: /

2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:/...../...../...../...../...../...../...../

2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: /

2.7. Lớp:

2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 3.00-10 áp suất: 200 kPa

2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 3.50-10 áp suất: 225 kPa

2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 45 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ TCVN 7358:2010/ TCVN 9726:2013/ : TCVN 7358:2010 ⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,4L/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú nếu có:

.....
.....
.....
.....

Hà Tĩnh, ngày.....tháng.....năm 2019

Công ty cổ phần xe điện Hà Tĩnh
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu theo quy định.



NGUYỄN PHÚ CƯỜNG
CHỦ TỊCH HĐQT